



CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC QUA ĐÀO TẠO NGHỀ

• **ThS. PHAN MINH HIỀN**

Tổng cục Dạy nghề

Mở đầu

Về vai trò chất lượng nhân lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội, Nghị quyết Đại hội Đảng khóa IX chỉ rõ: Nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhân lực phải được đầu tư phát triển, trang bị kĩ năng, kiến thức, tay nghề, kinh nghiệm, năng lực sáng tạo thông qua các hoạt động đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, tạo việc làm để phát huy nhân tố nhân lực, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân [1].

Nhân lực qua đào tạo nghề là sức mạnh tổng hợp tạo nên bởi năng lực có được thông qua hoạt động đào tạo nghề của những người đang làm việc trong xã hội, bao gồm các yếu tố: thể lực, kiến thức, kĩ năng lao động, thái độ và phong cách làm việc, tính năng động trong công việc. Việc xác định các yếu tố tác động tới phát triển nhân lực qua đào tạo nghề sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Quá trình phát triển nhân lực qua đào tạo nghề chịu tác động mạnh mẽ bởi nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản là: 1) cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, 2) chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển đào tạo nghề, 3) những tiến bộ của khoa học – công nghệ và 4) xu thế toàn cầu hoá.

1. Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trước năm 1986, nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp. Kế hoạch phát triển nhân lực, trong đó có nhân lực qua đào tạo nghề, đã được hoạch định từ Trung ương. Nhà nước tổ chức mọi hoạt động đào tạo nghề, từ khâu xác định mục tiêu, đầu tư nguồn lực đến phân phối và sử dụng nhân lực được đào tạo. Từ năm 1986, Đảng và Nhà nước chủ trương đổi mới. Nền kinh tế chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có

những đặc điểm nổi bật sau đây:

a) Tuân thủ các nguyên tắc và quy luật của thị trường, như: quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung – cầu;

b) Bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo; mọi cá nhân, tập thể, địa phương được khuyến khích tham gia phát triển kinh tế – xã hội;

c) Đảm bảo mục tiêu cơ bản của chế độ chủ nghĩa xã hội; cụ thể:

- Xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;

- Hình thành cấu trúc kinh tế – xã hội phát triển ổn định, bền vững;

- Thực hiện chế độ phân phối theo kết quả lao động;

- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; đảm bảo vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những đặc điểm trên của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có ảnh hưởng sâu sắc tới quá trình phát triển nhân lực qua đào tạo nghề. Khi đã có kinh tế thị trường, thì sẽ có thị trường lao động. Thị trường lao động tác động mạnh đến: 1) cơ cấu nhân lực; 2) mức độ yêu cầu đối với năng lực nhân lực; 3) lương, thu nhập và các quyền lợi khác của người lao động như: chế độ và điều kiện làm việc, quyền tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Đào tạo nghề trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo hai nguyên tắc cơ bản, đó là: tuân thủ các quy luật thị trường và đảm bảo những ưu việt của chủ nghĩa xã hội; cụ thể:

a) Đào tạo nghề vận hành theo cơ chế thị trường, tuân thủ các quy luật thị trường, như quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị

- Về quy luật cung – cầu:

Quy luật cung - cầu làm cho những cái cũ, lạc hậu, không phù hợp trong đào tạo bị thay thế bằng cái mới, tiến bộ hơn để phát triển phù hợp với nhu cầu xã hội. Cung đào tạo nghề là khả

năng cung ứng nhân lực được đào tạo cho xã hội theo các chỉ số về số lượng, chất lượng và cơ cấu nhân lực. *Cấu* về đào tạo nghề là nhu cầu của xã hội về nhân lực theo các chỉ số trên. Quan hệ cung – cầu trong kinh tế thị trường đòi hỏi tính linh hoạt trong điều hành các hoạt động đào tạo nghề. Hậu quả của việc mất thăng bằng giữa cung và cầu trong đào tạo rất lớn. Nếu đào tạo nghề không đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực thì xã hội khó phát triển; ngược lại, nếu đào tạo vượt quá nhu cầu nhân lực sẽ làm cho nhân lực được đào tạo bị thất nghiệp. Mặt khác, nếu đào tạo đáp ứng được nhu cầu về số lượng nhân lực nhưng không đáp ứng được chất lượng, không phù hợp về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền thì sẽ dẫn đến tình trạng thừa thừa vừa thiếu nhân lực, kinh tế – xã hội phát triển mất cân đối. Do vậy, các nhà quản lý đào tạo nghề phải đoán trước được xu thế của thị trường lao động để cân đối giữa cung và cầu nhân lực.

- Về quy luật cạnh tranh:

Cơ chế cạnh tranh yêu cầu các cơ sở dạy nghề phải tăng cường chất lượng đào tạo, phù hợp với nhu cầu xã hội để có thể tồn tại và phát triển. Cơ chế cạnh tranh đòi hỏi:

+ Đa dạng hóa hình thức sở hữu các cơ sở dạy nghề (cơ sở dạy nghề công lập, tư thục và cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài); tạo quyền và thế bình đẳng giữa các loại hình cơ sở dạy nghề;

+ Quản lý đào tạo nghề theo hướng tăng quyền tự chủ, tính trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề.

- Về quy luật giá trị:

Giá trị sản phẩm của đào tạo nghề được thể hiện bằng năng lực của nhân lực qua đào tạo nghề so với nhu cầu xã hội, trong đó có nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước, nhu cầu của doanh nghiệp.

b) Phát triển đào tạo nghề vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh

Coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi cơ bản của nhân dân; đảm bảo công bằng xã hội trong việc tiếp cận đào tạo nghề thông qua các chính sách đầu tư, tuyển sinh, học phí, học bổng, trợ cấp xã hội; đặc biệt quan tâm các đối tượng thuộc nhóm thiết yếu như dân tộc thiểu số, người nghèo, phụ nữ, nông dân mất đất do phát triển đô thị và các khu công nghiệp.

2. Chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển đào tạo nghề

Hơn hai mươi năm qua, từ khi Đảng chủ trương đổi mới, cùng với những thành tựu to lớn trong việc thực hiện chiến lược kinh tế – xã hội,

đào tạo nghề đã đạt được những kết quả quan trọng về phát triển nhân lực qua đào tạo, góp phần giữ vững và ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế, đảm bảo trật tự – an toàn xã hội. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (1997 – 2007), tuyển sinh dạy nghề tăng 3,2 lần, trong đó tuyển sinh trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và dạy nghề dài hạn tăng 5,4 lần. Quy mô dạy nghề tăng nhanh đã nâng tỉ lệ lao động qua đào nghề từ dưới 10% vào năm 1997 lên 23% vào năm 2007 [4], góp phần tạo thêm hơn 1,2 triệu việc làm mới. Thành tựu trên đây là nhờ chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước coi đào tạo nhân lực là quốc sách hàng đầu, chính sách đổi mới lao động, việc làm theo hướng phát huy mọi tiềm năng sức lao động, khơi dậy tiềm năng của từng người và của cả dân tộc, mở rộng cơ hội tiếp cận với đào tạo nghề tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Có thể hiểu chính sách về phát triển nhân lực qua đào tạo nghề là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, nguyên lý giáo dục, kế hoạch và các biện pháp thực hiện các mục tiêu về phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Hệ thống quan điểm, chế độ chính sách càng hoàn thiện thì hoạt động đào tạo nghề càng mang lại hiệu quả cao. Chính sách được cụ thể hoá và thể chế hoá bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển đào tạo nghề. Cụ thể ở đây là các chính sách:

- Đầu tư cho đào tạo nghề;
- Tăng cường năng lực đào tạo nghề;
- Xã hội hoá dạy nghề;
- Gắn kết đào tạo nghề với thị trường lao động, trước hết là với doanh nghiệp;
- Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn;
- Dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú;
- Sử dụng, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề;
- Chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;
- Xuất khẩu lao động;
- Tín dụng đối với học sinh, sinh viên;
- Chính sách đối với người học (như: học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; miễn giảm học phí đối với học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách đang theo học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập; chế độ ưu đãi đối với con của những người có công với cách mạng đang học ở các cơ sở giáo dục - đào tạo).

3. Những tiến bộ của khoa học – công nghệ

Những thành tựu của khoa học – công nghệ đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế – xã hội. C.Mác cho rằng: sự phát triển của lực lượng sản xuất trong điều kiện cách mạng công nghệ sẽ làm biến đổi cơ cấu sản xuất xã hội và việc làm; nhiều ngành nghề cũ mất đi và cũng có nhiều ngành nghề mới xuất hiện [5, tr. 636]. C.Mác chỉ rõ: “Nền công nghiệp hiện đại không ngừng cách mạng hóa sự phân công lao động trong xã hội và không ngừng vắt những khối lượng tư bản và khối lượng công nhân từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác. Vì vậy, bản chất của đại công nghiệp đòi hỏi phải có sự thay đổi lao động, sự di chuyển chức năng và tính chất cơ động toàn diện của người lao động” [5, tr. 692].

Thực tế đã chứng minh quan điểm duy vật biện chứng của Mác về phát triển xã hội. Những thành tựu do khoa học – công nghệ mang lại cho phép triển khai và áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ mới, các công cụ và phương tiện sản xuất hiện đại, dẫn đến việc thay đổi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu nhân lực và tính chất, nội dung lao động. Những nghề thuộc nhóm công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới đang trở thành những nghề mũi nhọn, thay thế nhiều nghề truyền thống. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo nghề trình độ cao ngày càng trở nên cấp thiết để thay thế nhân lực có trình độ và kỹ năng nghề thấp. Những kiến thức và kỹ năng đạt được qua đào tạo dễ trở nên lạc hậu; người lao động phải đổi nghề nếu không được cung cấp kiến thức và kỹ năng sâu, rộng, hoặc không thường xuyên cập nhật và hoàn thiện kiến thức, kỹ năng để có thể đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hiện đại.

Để có được nhân lực thích nghi với sự tiến bộ của khoa học - công nghệ, đào tạo nghề phải:

- Không ngừng đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tính chất, nội dung lao động;

- Nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị dạy học. Đây là yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo nghề. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học càng tốt và hiện đại bao nhiêu, thì người học càng có thể thích ứng kịp thời với thực tế sản xuất bấy nhiêu;

- Có kế hoạch đào tạo lại hoặc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề cho những lao động đang trực tiếp sản xuất để họ theo kịp những tiến bộ của khoa học- công nghệ.

4. Xu thế toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá là sự mở rộng của các loại thị trường, sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức kinh tế xuyên quốc gia. Toàn cầu hóa ảnh hưởng đến nhiều phương diện thuộc kinh tế – xã hội, trong đó có: 1) việc chuyển vốn đầu tư từ một nước sang một nước khác, kéo theo sự thay đổi về cơ cấu và chất lượng nhân lực của nước thứ hai; 2) việc di chuyển nhân lực trên thế giới, trong đó có xuất khẩu lao động; 3) mở ra một thời kì mới cho sự hợp tác kinh tế và hội nhập quốc tế.

Việt Nam đã và đang tích cực mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị, ngoại giao. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài được khuyến khích phát triển là hướng quan trọng để hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng kinh tế trọng điểm. Khu vực này có nhu cầu sử dụng lao động ở các ngành, nghề mới và trình độ cao, nhất là công nhân kỹ thuật lành nghề, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ trình độ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đồng thời, xuất khẩu lao động và chuyên gia cũng là hướng mũi nhọn tạo việc làm và tham gia vào thị trường lao động khu vực và thế giới. Hằng năm, Việt Nam đưa 10 vạn lao động đã được đào tạo nghề đi làm việc ở nước ngoài nhằm góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống người lao động, phát triển năng lực nghề của nguồn nhân lực. Giai đoạn 1996 – 2008 Việt Nam đã có 641.675 lao động làm việc tại 10 thị trường chính trên thế giới (xem Bảng 1). Mục tiêu đến năm 2010, tỉ lệ lao động đi làm việc ở nước ngoài đã qua đào tạo nghề là 70%, trong đó, lao động lành nghề và trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đạt 30%; đến năm 2015, tỉ trọng tương đương sẽ là 100% và 40% theo thứ tự kể trên.

Bảng 1 cho thấy: tỉ lệ lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao làm việc từ năm 1996 đến năm 2008 tại các thị trường sau:

- UAE: 83,5%	- Cata: 74,2%
- Nhật Bản: 83,4%	- Ả-rập Xê - út: 49,4%
- Cộng hòa Séc: 81,9%	

Xu thế toàn cầu hóa mở ra một thời kì mới cho sự hợp tác kinh tế và hội nhập quốc tế, vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với phát triển nhân lực qua đào tạo nghề ở Việt Nam; một mặt tạo cho chúng ta cơ hội giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của các nước phát triển về đào tạo nghề, tiếp thu được những phương pháp dạy học hiện đại, hợp tác trong nghiên cứu phát triển đào tạo nghề, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực so với các nước tiên tiến, tiến tới đạt chuẩn khu vực và thế giới. Mặt khác,

Bảng 1. Tình hình lao động Việt Nam tại một số thị trường chính từ 1996 đến 2008.

TT	Tên nước	Giai đoạn 1996 – 2008	
		Tổng số lao động	Lao động lành nghề, có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao
1	Nhật Bản	38955	32496
2	Hàn Quốc	93262	22873
3	Đài Loan	188413	50440
4	Malaysia	170089	23351
5	Cata	9654	7167
6	UAE	9208	7689
7	Ả-rập Xê-út	4705	2322
8	Cộng hòa Séc	1871	1533
9	Ma Cao	5157	1417
10	Khác	120361	5157
	Tổng cộng	641675	154445

Nguồn: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

toàn cầu hóa đã và đang tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt, ưu thế cạnh tranh nghiêng về các nước có nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hoá và thích nghi với sự thay đổi của công nghệ. Do vậy, cần phải nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, nhất là nhân lực trình độ cao, có khả năng sáng tạo để cạnh tranh trong cơ chế thị trường, phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế mới thời kì hội nhập.

Kết luận:

Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách của Đảng và Nhà nước, tiến bộ của khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá là các yếu tố cơ bản tác động mạnh mẽ đến yêu cầu đối với nhân lực qua đào tạo nghề, cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập. Để có nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội, đào tạo nghề Việt Nam cần hướng vào hai nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường đào tạo lao động kĩ thuật trình độ cao để cung cấp cho các ngành kinh tế quốc dân;

- Có chiến lược đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo để người lao động có cơ hội nâng cao năng lực phù hợp với điều kiện của cơ chế thị trường, chính sách phát triển kinh tế xã hội,

những tiến bộ của khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Giáo dục, Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Dạy nghề, Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
4. Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Báo cáo số 104-BC/BCS ngày 27/10/2008 kiểm điểm 10 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về lĩnh vực dạy nghề.
5. C. Mác và Ph.Ăng ghen, Toàn tập, tập 23, Nhà Xuất bản chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 1993.

SUMMARY

The author analyzes four basic factors: 1) mechanism of socialist oriented market, 2) the policies of the Government on vocational training development, 3) advancement of science and technology and 4) globalization, which greatly affect requirements for vocationally trained manpower, labor and economic structures in the period of industrialization, modernization and globalization.